

Số: 577 /2026/BC-SHS

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2026

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS -Tháng 4/2026 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 4/2026:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	APG	BCE	AAA
2	ACB	BMI	CRE	ACB
3	ACC	DGC	GIL	ACC
4	ACG	ST8	ITD	ACG
5	ACL		MHC	ACL
6	ADS		NVL	ADS
7	AGG		PTC	AGG
8	AGR		TCX	AGR
9	ANV		TN1	ANV
10	APG		VOS	ASM
11	ASM		VSH	AST
12	AST		VTB	BAF
13	BAF		VTO	BCE
14	BCM			BCM
15	BFC			BFC
16	BHN			BHN
17	BIC			BIC
18	BID			BID
19	BKG			BKG
20	BMC			BMC
21	BMI			BMP
22	BMP			BRC
23	BRC			BSI
24	BSI			BSR
25	BSR			BTP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
26	BTP			BVH
27	BVH			BWE
28	BWE			CCL
29	CCL			CDC
30	CDC			CHP
31	CHP			CII
32	CII			CKG
33	CKG			CLC
34	CLC			CLL
35	CLL			CMG
36	CMG			CNG
37	CNG			CRC
38	CRC			CRE
39	CSM			CSM
40	CSV			CSV
41	CTD			CTD
42	CTF			CTF
43	CTG			CTG
44	CTI			CTI
45	CTR			CTR
46	CTS			CTS
47	CVT			CVT
48	D2D			D2D
49	DBC			DBC
50	DBD			DBD
51	DC4			DC4
52	DCL			DCL
53	DCM			DCM
54	DGC			DGW
55	DGW			DHA
56	DHA			DHC
57	DHC			DHG
58	DHG			DIG
59	DIG			DMC
60	DMC			DPG
61	DPG			DPM
62	DPM			DPR
63	DPR			DRC
64	DRC			DRL
65	DRL			DSE
66	DSE			DSN
67	DSN			DVP
68	DVP			DXG
69	DXG			DXS
70	DXS			EIB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
71	EIB			ELC
72	ELC			EVF
73	EVF			EVG
74	EVG			FCN
75	FCN			FIR
76	FIR			FIT
77	FIT			FMC
78	FMC			FPT
79	FPT			FRT
80	FRT			FTS
81	FTS			GAS
82	GAS			GEE
83	GEE			GEG
84	GEG			GEX
85	GEX			GIL
86	GMD			GMD
87	GSP			GSP
88	GVR			GVR
89	HAG			HAG
90	HAH			HAH
91	HAR			HAR
92	HAX			HAX
93	HCM			HCM
94	HDB			HDB
95	HDC			HDC
96	HDG			HDG
97	HHP			HHP
98	HHS			HHS
99	HHV			HHV
100	HII			HII
101	HMC			HMC
102	HPG			HPG
103	HPX			HPX
104	HQC			HQC
105	HSG			HSG
106	HSL			HSL
107	HT1			HT1
108	HTG			HTG
109	HTI			HTI
110	HTN			HTN
111	HUB			HUB
112	HVH			HVH
113	IDI			IDI
114	IJC			IJC
115	ILB			ILB

P. C
 C C
 CHỦ S
 TUA

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
116	IMP			IMP
117	ITC			ITC
118	KBC			ITD
119	KDC			KBC
120	KDH			KDC
121	KHG			KDH
122	KHP			KHG
123	KOS			KHP
124	KSB			KOS
125	LBM			KSB
126	LCG			LBM
127	LHG			LCG
128	LIX			LHG
129	LPB			LIX
130	LSS			LPB
131	MBB			LSS
132	MCM			MBB
133	MIG			MCM
134	MSB			MHC
135	MSH			MIG
136	MSN			MSB
137	MWG			MSH
138	NAB			MSN
139	NAF			MWG
140	NBB			NAB
141	NCT			NAF
142	NHA			NBB
143	NHH			NCT
144	NKG			NHA
145	NLG			NHH
146	NNC			NKG
147	NT2			NLG
148	NTL			NNC
149	OCB			NT2
150	OPC			NTL
151	ORS			NVL
152	PAC			OCB
153	PAN			OPC
154	PC1			ORS
155	PDN			PAC
156	PDR			PAN
157	PET			PC1
158	PGC			PDN
159	PGD			PDR
160	PGI			PET

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
161	PHC			PGC
162	PHR			PGD
163	PLP			PGI
164	PLX			PHC
165	PNJ			PHR
166	POW			PLP
167	PPC			PLX
168	PTB			PNJ
169	PVD			POW
170	PVP			PPC
171	PVT			PTB
172	QCG			PTC
173	RAL			PVD
174	REE			PVP
175	SAB			PVT
176	SAM			QCG
177	SBA			RAL
178	SBT			REE
179	SCR			SAB
180	SCS			SAM
181	SGN			SBA
182	SGR			SBT
183	SHB			SCR
184	SHI			SCS
185	SHP			SGN
186	SIP			SGR
187	SJD			SHB
188	SJS			SHI
189	SKG			SHP
190	SMB			SIP
191	SRC			SJD
192	SSB			SJS
193	SSI			SKG
194	ST8			SMB
195	STB			SRC
196	STK			SSB
197	SZC			SSI
198	SZL			STB
199	TAL			STK
200	TBC			SZC
201	TCB			SZL
202	TCH			TAL
203	TCI			TBC
204	TCL			TCB
205	TCM			TCH

6 -
 NG
 PH.
 IG KI
 AI G
 IÀ N
 1M -

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
206	TCO			TCI
207	TCT			TCL
208	TDC			TCM
209	TDM			TCO
210	TDP			TCT
211	TEG			TCX
212	THG			TDC
213	TIP			TDM
214	TLD			TDP
215	TLG			TEG
216	TMP			THG
217	TMS			TIP
218	TNC			TLD
219	TNT			TLG
220	TPB			TMP
221	TRA			TMS
222	TRC			TN1
223	TTA			TNC
224	TV2			TNT
225	TVB			TPB
226	TVS			TRA
227	VAB			TRC
228	VCB			TTA
229	VCG			TV2
230	VCI			TVB
231	VDP			TVS
232	VDS			VAB
233	VFG			VCB
234	VGC			VCG
235	VHC			VCI
236	VHM			VDP
237	VIB			VDS
238	VIC			VFG
239	VIP			VGC
240	VIX			VHC
241	VJC			VHM
242	VND			VIB
243	VNL			VIC
244	VNM			VIP
245	VPB			VIX
246	VPI			VJC
247	VPL			VND
248	VRC			VNL
249	VRE			VNM
250	VSC			VOS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
251	VTP			VPB
252	YEG			VPI
253				VPL
254				VRC
255				VRE
256				VSC
257				VSH
258				VTB
259				VTO
260				VTP
261				YEG

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 4/2026:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	BAB		BKC	BAB
2	BAX		C69	BAX
3	BCF		CSC	BCF
4	BVS		CST	BKC
5	CAP		KSF	BVS
6	CDN		KSV	C69
7	CEO		L18	CAP
8	CLH		SCG	CDN
9	CTB		SJE	CEO
10	DHT		TD6	CLH
11	DNP		TFC	CSC
12	DP3			CST
13	DTD			CTB
14	DVM			DHT
15	DXP			DNP
16	EVS			DP3
17	GIC			DTD
18	GMX			DVM
19	HJS			DXP
20	HLC			EVS
21	HMR			GIC
22	HUT			GMX
23	HVT			HJS
24	IDC			HLC
25	IDV			HMR

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
26	INN			HUT
27	IPA			HVT
28	L40			IDC
29	LAS			IDV
30	LHC			INN
31	LIG			IPA
32	MAC			KSF
33	MBG			KSV
34	MBS			L18
35	MDC			L40
36	MST			LAS
37	MVB			LHC
38	NAG			LIG
39	NBC			MAC
40	NDN			MBG
41	NET			MBS
42	NFC			MDC
43	NTH			MST
44	NTP			MVB
45	PBP			NAG
46	PCE			NBC
47	PCH			NDN
48	PGS			NET
49	PLC			NFC
50	PMC			NTH
51	PPT			NTP
52	PSD			PBP
53	PSI			PCE
54	PSW			PCH
55	PVB			PGS
56	PVC			PLC
57	PVG			PMC
58	PVI			PPT
59	PVS			PSD
60	S99			PSI
61	SGC			PSW
62	SLS			PVB
63	SZB			PVC
64	TA9			PVG
65	TDT			PVI
66	TIG			PVS
67	TMB			S99
68	TNG			SCG
69	TPP			SGC
70	TTT			SJE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
71	TV4			SLS
72	TVC			SZB
73	TVD			TA9
74	VBC			TD6
75	VC3			TDT
76	VC7			TFC
77	VCS			TIG
78	VFS			TMB
79	VGS			TNG
80	VHE			TPP
81	VNF			TTT
82	VNR			TV4
83	VTZ			TVC
84	WCS			TVD
85				VBC
86				VC3
87				VC7
88				VCS
89				VFS
90				VGS
91				VHE
92				VNF
93				VNR
94				VTZ
95				WCS


Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 4/2026 là:

<https://www.shs.com.vn/thong-bao/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-42026>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

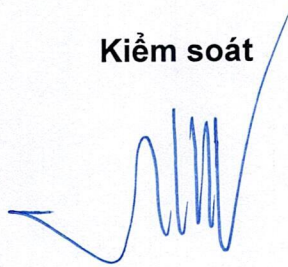
Trân trọng kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập



Trần Hồng Mây

Kiểm soát



Lê Thị Hoài Thu

TUO TONG GIAM DOC



GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
NGUYỄN THỊ HOAN